

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**



**TÀI LIỆU  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*Bắc Giang, tháng 4 năm 2020*



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

### CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Thời gian: Từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2020

Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung, Chương trình Đại hội	Người phụ trách
1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	BTC
2	Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	BTC
3	Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết	BTC
4	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, cổ đông và giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban Bầu cử	BTC
5	Biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử	Đoàn Chủ tịch
6	Trình bày báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	Ô.Hiệp
7	Trình bày báo cáo tóm tắt của Hội đồng quản trị	Ô.Khoa
8	Trình bày báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát	Ô.Hào
9	Báo cáo kết quả kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2019	Ô.Tâm
10	Đại biểu Tổng công ty ĐSVN phát biểu ý kiến (nếu có)	
11	Lãnh đạo Công ty tiếp thu ý kiến chỉ đạo	Ô. Khoa
12	Trình bày tờ trình về việc kiện toàn nhân sự của HĐQT	Đoàn Chủ tịch
13	Bầu cử miễn nhiệm thành viên HĐQT	Ban bầu cử
14	Công bố kết quả miễn nhiệm thành viên HĐQT	Ban bầu cử
15	Đại hội nghỉ giải lao	BTC
16	Bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ban bầu cử
17	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ban bầu cử
18	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội	Đoàn Thư ký
19	Thành viên HĐQT mới phát biểu nhận nhiệm vụ	
20	Ông Nguyễn Văn Trọng nguyên Thành viên HĐQT phát biểu ý kiến	Ô. Trọng
21	Trao quà và chụp ảnh lưu niệm cho nguyên Thành viên HĐQT	BTC
22	Bế mạc Đại hội	BTC

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

*Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

**QUY CHẾ TỔ CHỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng,

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sử dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các thành phần tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Thời gian Đại hội**

Thời gian Đại hội: Bắt đầu từ 14 giờ 00' ngày 28 tháng 4 năm 2020.

**Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội**

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
VÀ CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người được ủy quyền tham gia Đại hội**

##### **1. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người được ủy quyền**

+ Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

+ Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

+ Tại cuộc họp Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

##### **2. Nghĩa vụ của cổ đông/người được ủy quyền**

+ Mỗi cổ đông/người được ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu) và Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu có) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu và các tài liệu khác.

+ Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

+ Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông/người được ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự' không gây mất trật tự. Cổ đông/người được ủy quyền có thể phát biểu trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ý kiến phát biểu gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết. Khi có nhu cầu phát biểu trực tiếp cổ đông/người được ủy quyền cần đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

+ Cổ đông/người được ủy quyền tham gia Đại hội phải nghiêm chỉnh chấp hành quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm quy chế thì tùy theo mức độ cụ thể được xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông/người được ủy quyền đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để những người đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch**

1. Đại hội biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT là Chủ tọa Đại hội.

##### **2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch**

+ Điều hành hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.

+ Hướng dẫn các cổ đông/người được ủy quyền thảo luận.

- + Kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết
- + Trả lời theo yêu cầu của đại biểu về những vấn đề nằm trong chương trình Đại hội và đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

- + Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

3. Quyết định của Đoàn chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục đối với các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội sẽ mang tính chất phán quyết cao nhất.

4. Chủ tọa có thể hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty) và tại một địa điểm khác mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- + Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- + Các phương tiện thông tin tại địa điểm dự họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết.

- + Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng chỉ định có chức năng và nhiệm vụ sau:

- + Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông và kiểm tra giấy tờ tùy thân của các cổ đông/người được ủy quyền.

- + Phát cho cổ đông/người được ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội.

- + Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội**

1. Đại hội biểu quyết thông qua Ban thư ký. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và Đại hội về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban thư ký:

- + Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung, diễn biến của Đại hội, các ý kiến phát biểu tại Đại hội, tổng kết của Chủ tọa Đại hội.

- + Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

- + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

- + Thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

### **Điều 8. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu**

1. Đại hội biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - + Thu phiếu, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông/người được ủy quyền.
  - + Tổ chức kiểm phiếu.
  - + Xem xét, báo cáo với Đoàn Chủ tịch của Đại hội về các vấn đề liên quan.
  - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
  - + Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Đoàn Chủ tọa Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành chức năng nhiệm vụ của mình.

## **CHƯƠNG III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 9. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

### **Điều 10. Thông qua Quyết định của Đại hội**

Các vấn đề thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông/người được ủy quyền đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông/người được ủy quyền có quyền biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm:

- + Biểu quyết thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.
- + Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 11. Biên bản họp Đại hội hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung họp và biểu quyết tại Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản họp. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành**

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến thành theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp lần thứ nhất.

2. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai được tiến theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**CHƯƠNG IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 4 chương, 13 điều, được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Đăng Khoa**

*Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

**QUY CHẾ  
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG  
NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG NĂM 2020**

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng**

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng (CPĐS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CPĐS Hà Lạng hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

**Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Số lượng bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT theo quy định tại Quy chế này.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) theo Điều lệ công ty và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Trường hợp bầu bổ sung giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là nhiệm kỳ của HĐQT đương nhiệm.
3. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

**Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử bổ sung thành viên HĐQT**

Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên bổ sung thành viên HĐQT. Số



lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

**Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT:**

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:

a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT (theo mẫu kèm theo);

b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu kèm theo);

c. Bản sao hợp lệ CMTND/Hộ chiếu;

d. Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

e. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;

f. Giấy ủy quyền hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty CPĐS Hà Lạng trước 14h00' ngày 27/4/2020 theo địa chỉ của Ban Tổ chức Đại hội số 6, đường Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Nếu hồ sơ là bản fax thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

**Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên:**

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty CPĐS Hà Lạng sẽ lập danh sách ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung vào thành viên HĐQT.

**Điều 7. Hình thức và phương thức bầu cử:**

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu được bầu cho ứng cử viên đã được Đại hội thông qua.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho ứng cử viên hoặc không bầu dồn cho ứng cử viên đó.

4. Tổng số phiếu bầu cho của ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

**Điều 7. Tổ chức và giám sát bầu cử:**

1. Ban kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 05 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 04 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm phiếu lập một bộ phận giúp việc có 03 thành viên để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

2. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;

d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;

e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;

f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Đoàn Chủ tịch Đại hội;

g. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;

i. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

## **Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:**

1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Công ty CPĐS Hà Lạng phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b. Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông điền số 0 hoặc để trống tại cột Số phiếu bầu .

c. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc không bầu cho ứng cử viên.

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng bầu bổ sung thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó;

c. Không thuộc trường hợp theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Công ty CPDS Hà Lạng phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;

b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới) ;

c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông; hoặc

f. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

### **Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu**

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm

phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

**Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử**

Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

**Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

Theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 12.** Quyền chất vấn các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

**Điều 13.** Quy chế Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT  
HÀ LẠNG  
TỈNH BẮC GIANG  
Hoàng Đăng Khoa

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng, tôi xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và xin ý kiến của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, cụ thể như sau:

**A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:**

**I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:**

**1. Thuận lợi:**

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

**2. Khó khăn:**

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chùng...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang nặng tư tưởng "bao cấp" nên không muốn đi làm xa nhà để tăng thêm thu nhập, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

## II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

### 1. Giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2019		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2018	Tỷ lệ % so với KH
1	Doanh Thu	130.230	142.937	134.085	103%	94%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản xuất chính	112.209	117.937	121.447	108%	103%
	- Sản xuất kinh doanh khác	18.021	25.000	12.638	70%	51%
2	Chi Phí	127.336	138.471	130.610	103%	94%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.283	3.573	2.546	112%	71%
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	13,84%	21,65%	15,43%	112%	71%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	8,00%	13,00%	10,80%	135%	83%

### 2. Tiền lương và thu nhập:

Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty năm 2019 đạt 7.594.000 đồng/người/tháng, tăng 772.000 đồng/người/tháng, bằng 111% so với năm 2018 là 6.822.000 đồng/người/tháng.

### 3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

Trong năm 2019, bằng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị theo đúng quy định hiện hành, nội dung đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Thiết bị dòn ray	275	0	Không thực hiện
2	Kịch nâng thủy lực 100 tấn	250	0	Không thực hiện
3	Hoán cải goòng vận tải đường sắt	1.500	0	Không thực hiện

4	Ô tô 7 chỗ	950	995	Đã hoàn thành
5	Ô tô bán tải	900	730	Đã hoàn thành
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.875</b>	<b>1.725</b>	

Theo kế hoạch ban đầu đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thì tổng mức đầu tư là 3.875 triệu đồng với 05 danh mục dự án đầu tư như trên. Tuy nhiên theo điều kiện, nhu cầu thực tiễn của Công ty, năm 2019 Công ty chỉ thực hiện 02 dự án mua xe ô tô để phục vụ sản xuất kinh doanh, thay thế cho 02 chiếc xe đã cũ hỏng, hết khấu hao.

#### 4. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía bắc là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 đã được hoàn tất, không có nội dung ngoại trừ hay điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót và đã được chấp nhận toàn phần từ phía đơn vị kiểm toán.

#### III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Doanh thu	Tăng 9,8% so với 2018	Tăng 3% so với 2018	Không đạt (94% KH)
	Trong đó:			
	- <i>Doanh thu sản phẩm công ích</i>	<i>Đạt 100% KH</i>	<i>Đạt 103% KH</i>	<i>Vượt</i>
	- <i>Doanh thu sản phẩm khác</i>	<i>Tăng 38,7% so với 2018</i>	<i>Đạt 70% so với 2018</i>	<i>Không đạt (51% KH)</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	3 tỷ 573 tr. đ	2 tỷ 546 tr. đ	Không đạt (71% KH)
3	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	Đạt 21,65%	Đạt 15,43%	Không đạt
4	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	Đạt 13,00%	Đạt 10,80%	Không đạt
2	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 8% so với năm 2018	Tăng 11% so với năm 2018	Vượt 3% KH
6	Tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng	Giữ vững	Giữ vững	Đạt
7	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội – Đồng Đăng	Giảm so với năm 2018	Giảm bình quân 20 điểm/km	Đạt
8	Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng di chủ quan gây ra	Không	Không	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
9	Tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không quá 02 vụ	Xảy ra 01 vụ	Đạt

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

**Tồn tại:** Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại sau:

Năng lực máy móc thiết bị còn nhiều hạn chế, đặc biệt lĩnh vực thi công công trình cầu cống, hiện tại máy móc, thiết bị chủ yếu để phục vụ thi công thường phải đi thuê ngoài dẫn đến tăng giá thành sản phẩm, nhiều công trình không đủ năng lực để thực hiện, giá trị sản lượng, doanh thu sản xuất ngoài chưa đạt kế hoạch giao; lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận / VDL chưa đạt kế hoạch giao.

Ý thức giữ gìn an toàn chạy tàu, tự giác chấp hành quy trình quy phạm của số ít CBCNV chưa cao, nên vẫn còn tiềm ẩn đe dọa an toàn chạy tàu, trong năm 2019 đã để xảy ra 01 vụ trật bánh đầu máy tại Km96 tuyến Hà Nội - Đồng Đăng (tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan).



## **B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:**

### **1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2020.**

- Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác quản lý an toàn chạy tàu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đơn giá BDTX giao cho Công ty chỉ bằng khoảng 31% đơn giá tính đủ và bằng khoảng 60% so với đơn giá BDTX các tuyến khác trên mạng lưới đường sắt Quốc gia.

- Giá trị doanh thu trong công ích có giá trị lớn, thường chiếm đến trên 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty, có ảnh hưởng rất lớn đến sự tăng trưởng doanh thu hàng năm, việc xác định sự tăng trưởng đối với sản phẩm này phụ thuộc chủ yếu vào sự cân đối, đặt hàng hàng năm của cấp có thẩm quyền. Do vướng mắc về cơ chế chính sách, hợp đồng đặt hàng năm 2020 đến nay vẫn chưa được ký kết, nên chưa thể nhận được tạm ứng. Công ty đã phải vay nợ ngân hàng để chi trả tiền lương và các nghĩa vụ thuế, BHXH cho người lao động.

- Việc tìm kiếm công trình ngoài hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động và hiện tại hồ sơ năng lực của Công ty vẫn còn rất hạn chế, nên sẽ là một thách thức rất lớn với Công ty hiện nay.

- Ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng hàng năm dự kiến sẽ có xu hướng tăng dần như những năm gần đây, dẫn tới các yếu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, chế độ tiền lương... Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm.

### **2. Phương hướng, mục tiêu:**

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Xác định hoạt động bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt là hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng BDTX KCHT ĐS với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài sản xuất chính: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Tăng cường quan hệ với các đối tác để tìm kiếm thêm việc làm ngoài (các công trình không thuộc nguồn NSNN cân đối cho ngành đường sắt), phấn đấu tăng trưởng về sản lượng và doanh thu từ 10% trở lên so với thực hiện năm 2019; Chủ động, tích cực tham gia thi công và hoàn thành tốt các công trình thi công sửa chữa KCHĐS năm 2020 trong ngành (nguồn NSNN hàng năm);

- Các chỉ tiêu khác:

- + Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn CSH đạt 18,22%; tỷ lệ cổ tức/VĐL đạt 10,93%;
- + Thu nhập bình quân người lao động: tăng 8% trở lên so với năm 2019;
- + Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;
- + Giảm tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2019;
- + Không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;
- + Tai nạn GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra: Không quá 02 vụ;

- Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách; Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động; Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh; Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị Chính qui - Văn hoá - An toàn và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp;

### 3. Chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ % so với TH 2019
1	Doanh thu:	134.085	142.685	+106,4%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản xuất chính	121.447	128.782	+106,0%
	- Sản xuất ngoài sản xuất chính	12.638	13.902	+110,0%
	+ Từ chi NSNN (trong ngành):	5.243	5.767	+110,0%
	+ Từ đối tác bên ngoài:	7.395	8.135	+110,0%
2	Chi phí:	130.610	138.928	+106,4%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	2.546	3.006	+118,0%
4	Tỷ suất LNST/VĐL	15,43%	18,22%	+118,0%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	10,80%	10,93%	101,2%

#### 4. Kế hoạch đầu tư (sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Máy chèn đường thủy lực, đường lồng	03 bộ	900.000.000	
2	Máy xúc đào bánh lốp ( $\geq 0,4m^3$ )	01 cái	800.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.700.000.000</b>	

#### 5. Kế hoạch lao động, tiền lương.

##### 5.1. Kế hoạch lao động:

Tổng số lao động của Công ty: 730 người;  
(Tổng số lao động được duyệt theo phương án CPH là: 879 người).

Trong đó:

Lãnh đạo, viên chức quản lý: 07 người;  
Lao động gián tiếp: 48 người;  
Lao động hỗ trợ, phục vụ SX: 33 người;  
Lao động trực tiếp sản phẩm công ích: 642 người;

##### 5.2. Kế hoạch tiền lương:

a/ Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách và bộ máy gián tiếp:

- Tổng quỹ lương: 8.873.000.000 đồng  
- Trong đó:  
+ Quỹ lương người quản lý chuyên trách: 1.996.000.000 đồng  
+ Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 36.000.000 đồng  
+ Quỹ lương bộ máy gián tiếp: 6.947.000.000 đồng  
+ Ăn giữa ca gián tiếp và người quản lý: 286.000.000 đồng

b/ Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp (dự kiến): 57.211.000.000 đồng.  
Trong đó: + Tiền lương: 53.021.000.000 đồng;  
+ Ăn giữa ca: 4.019.000.000 đồng;

c/ Tiền lương ngoài ngành, dịch vụ khác: 3.967.000.000 đồng.  
**Tổng cộng quỹ lương 2020: 70.946.000.000 đồng.**

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng;

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, KHKD.



**Trần Phú Hiệp**

Số: 136 /BC-ĐSHL

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác quản trị và điều hành năm 2019 - Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

### I. Đánh giá của HĐQT về hoạt động SXKD của Công ty năm 2019.

#### 1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phần khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

#### 2. Khó khăn:

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang nặng tư tưởng "bao cấp" nên không muốn đi làm xa nhà để tăng thêm thu nhập, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

### 3. Kết quả đạt được:

Doanh thu thực hiện đạt 134,085 tỷ đồng bằng 94% so với kế hoạch và 103% so với năm 2018.

Trong đó:

- + Sản phẩm công ích: 121,447 tỷ đồng bằng 103% so với kế hoạch.
- + Sản xuất kinh doanh khác: 12,638 tỷ đồng bằng 51% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận (sau thuế): 2,546 tỷ đồng bằng 71% kế hoạch;
- Tỷ lệ cổ tức 10,08%/ Vốn điều lệ.

\* Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty năm 2019 đạt 7.594.000 đồng/người/tháng, tăng 772.000 đồng/người/tháng, bằng 111% so với năm 2018 là 6.822.000 đồng/người/tháng.

\* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

\* Đảm bảo an toàn về GTĐS.

\* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Kết quả đạt được về cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch, tuy nhiên doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác chỉ đạt 51% so với kế hoạch đã đề ra. Do đó, HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV và người lao động Công ty cần tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và những năm tiếp theo.

### II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc:

Công ty quản lý một khối lượng kết cấu hạ tầng không những lớn nhất mà còn phức tạp nhất Tổng công ty ĐSVN bao gồm những yếu tố kỹ thuật đặc thù, khó khăn của ĐSVN như nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung....

Do kinh phí SCTX được phân bổ còn hạn hẹp, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động đưa ra các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo sản xuất; Phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, tích cực nghiên cứu, sáng tạo ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh hệ tuần gác trong việc thực hiện quy trình quy phạm khi lên ban, chú trọng kiểm tra ban 3, ngày nghỉ, lễ, tết hoặc trong những ngày mưa bão... Đối với công tác phòng chống lụt bão, Công ty đã chủ động điều tra, lập phương án xử lý các điểm có nguy cơ gây mất an toàn trong mùa mưa bão, chuẩn bị đầy đủ nguồn lực để ứng phó kịp thời với thiên tai. Cùng với sự lãnh đạo sâu sát của cấp trên kết hợp với sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong công tác phòng chống lụt bão, năm 2019 trong phạm vi các tuyến đường sắt do Công ty được giao quản lý không có thiệt hại nào do bão lũ, thiên tai gây ra. Công tác đảm bảo an toàn khu vực đèo dốc Bắc Thủy - Bàn Thí được duy trì có hiệu quả.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản

trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, chủ động thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Tồn tại: Công tác quản trị tài chính còn chưa chặt chẽ, đặc biệt là việc giám sát các hoạt động mua sắm vật tư, dịch vụ các công trình ngoài sản xuất chính nên đã xảy ra những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Chưa chặt chẽ trong việc thẩm tra, thẩm định dự toán công trình khi tham gia đấu thầu công trình ngoài công ích dẫn đến có công trình đã xuất hiện lỗ tiền năng khi quyết toán.

### **III. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2019.**

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Kiện toàn công tác nhân sự của phòng TCHC.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019.
- Thông qua báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 kết quả thực hiện SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2019.
- Phê duyệt kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật các quý trong năm 2019.
- Công tác nhân sự của Ban Giám đốc.
- Công tác đảm bảo ATGTĐS trên toàn tuyến
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Thống nhất các phương án về việc miễn nhiệm; cử Người đại diện 50% vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty CPĐS Hà Lạng.

### **IV. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2020.**

#### **1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2020.**

- Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác quản lý an toàn chạy tàu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đơn giá BDTX giao cho Công ty chỉ bằng khoảng 31% đơn giá tính đủ và bằng khoảng 60% so với đơn giá BDTX các tuyến khác trên mạng lưới đường sắt Quốc gia.

- Giá trị doanh thu trong công ích có giá trị lớn, thường chiếm đến trên 80% tổng doanh thu hàng năm của Công ty, có ảnh hưởng rất lớn đến sự tăng trưởng doanh thu hàng năm, việc xác định sự tăng trưởng đối với sản phẩm này phụ thuộc chủ yếu vào sự cân đối, đặt hàng hàng năm của cấp có thẩm quyền. Do vướng mắc về cơ chế chính sách, hợp đồng đặt hàng năm 2020 đến nay vẫn chưa được ký kết,

nên chưa thể nhận được tạm ứng, Công ty đã phải vay nợ ngân hàng để chi trả tiền lương và các nghĩa vụ thuế, BHXH cho người lao động.

- Việc tìm kiếm công trình ngoài hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động và hiện tại hồ sơ năng lực của Công ty vẫn còn rất hạn chế, nên sẽ là một thách thức rất lớn với Công ty hiện nay.

- Ngoài ra do mức lương tối thiểu vùng hàng năm dự kiến sẽ có xu hướng tăng dần như những năm gần đây, dẫn tới các yếu tố chi phí trong quản lý điều hành tương ứng sẽ tăng theo như: các chế độ bảo hiểm, phí công đoàn, chế độ tiền lương,... Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận dự kiến đạt được trong năm.

## 2. Phương hướng, mục tiêu:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Xác định hoạt động bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt là hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng BDTX KCHT ĐS với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài sản xuất chính: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Tăng cường quan hệ với các đối tác để tìm kiếm thêm việc làm ngoài (các công trình không thuộc nguồn NSNN cân đối cho ngành đường sắt), phấn đấu tăng trưởng về sản lượng và doanh thu từ 10% trở lên so với thực hiện năm 2019; Chủ động, tích cực tham gia thi công và hoàn thành tốt các công trình thi công sửa chữa KCHĐS năm 2020 trong ngành (nguồn NSNN hàng năm);

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra, giám sát nhằm khắc phục triệt để các tồn tại trong công tác quản lý tài chính, chấm dứt tình trạng nợ lương công nhân khi tham gia các công trình thực hiện các công trình, sản phẩm ngoài sản xuất chính từ năm 2020 trở đi.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

Xin trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- Ban GD, Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Hoàng Đăng Khoa



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*Kính gửi:* Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPĐS Hà Lạng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2019.

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông năm 2020 kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2019 như sau:

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát.**

Năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp và tham dự các cuộc họp của HĐQT, giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì.

Ban kiểm soát cũng đã tiến hành giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cụ thể như sau:

- Giám sát việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Xem xét các thủ tục, trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để đảm bảo tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ có liên quan.

- Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018; kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, việc chi trả tiền lương, thù lao cho người lao động và người quản lý Công ty năm 2019; việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018, sáu tháng đầu năm 2019 và xem xét Báo cáo tài chính hàng quý.

- Xem xét việc triển khai thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh ngoài công ích.

- Tham gia ý kiến xây dựng; sửa đổi, bổ sung và giám sát việc triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

## **2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.**

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù phức tạp. Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng khoảng 40% phương án tính đủ nên chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Tuy nhiên, được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT, lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của lãnh đạo Công ty.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 phiên họp để thảo luận và thống nhất thông qua những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quan xem xét, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị cũng đã chú trọng tới công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế này trong mọi hoạt động SXKD của Công ty.

Ban Giám đốc công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty như thực hiện báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Tồn tại: Công tác quản trị tài chính còn chưa chặt chẽ, đặc biệt là việc giám sát các hoạt động mua sắm vật tư, dịch vụ các công trình ngoài sản xuất chính nên đã xảy ra những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Chưa chặt chẽ trong việc thẩm tra, thẩm định dự toán công trình khi tham gia đấu thầu công trình ngoài công ích dẫn đến có công trình đã xuất hiện lỗ tiền năng khi quyết toán.

## **3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2019.**

Ban kiểm soát đã nhận được BCTC năm 2019 do Ban điều hành cung cấp và Báo cáo kết quả kiểm toán đối với BCTC năm 2019 của Công ty được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phí Bắc.

Sau khi rà soát việc trình bày BCTC của Công ty đảm bảo phù hợp với nội dung và biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; rà soát số liệu thuyết minh chi tiết với số liệu tổng hợp trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình bày trong BCTC với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết; rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2019 như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC năm 2019 của Công ty phù hợp với nội dung và biểu mẫu quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh BCTC.

- Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trong sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trong BCTC cho thấy các chỉ tiêu trong BCTC được xấp lập hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Số liệu đầu kỳ của BCTC năm 2019 khớp đúng với số liệu cuối kỳ của BCTC năm 2018.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập, cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định, Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu.

Với kết quả thẩm định như trên, Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc rằng “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **4. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019.**

4.1. Thực hiện phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội.

Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết Đại hội.

#### **4.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

- Tổng doanh thu đạt 134 tỷ 085 triệu đồng, bằng 94% kế hoạch năm và tăng 3% so với năm 2018

*Trong đó:*

+ *Doanh thu từ hoạt động công ích đạt: 121 tỷ 447 triệu đồng, bằng 103% kế hoạch năm và tăng 8% so với năm 2018*

+ *Doanh thu từ hoạt động SXKD khác đạt 12 tỷ 638 triệu đồng, bằng 51% kế hoạch năm và bằng 70% so với năm 2018*

- Lợi nhuận sau thuế đạt 2 tỷ 546 triệu đồng, bằng 71% kế hoạch năm và tăng 12% so với năm 2018

- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 15,4%, bằng 71% kế hoạch năm và tăng 11% so với năm 2018

- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đề trình để Đại hội biểu quyết thông qua là 10,8% đạt 83% so với kế hoạch năm và tăng 35% so với năm 2018

- Thu nhập bình quân đạt 7 triệu 594 nghìn đồng/người/tháng, tăng 772 nghìn đồng/người/tháng và tăng 11% so với năm 2018

#### 4.3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Công ty sẽ thực hiện 05 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu là 3 tỷ 875 triệu đồng, trong đó:

- Mua thiết bị dòn ray: 275 triệu đồng

- Mua kích nâng thủy lực 100 tấn: 250 triệu đồng

- Hoán cải goòng vận tải đường sắt: 1 tỷ 500 triệu đồng

- Mua ô tô 7 chỗ: 950 triệu đồng

- Mua ô tô bán tải: 900 triệu đồng

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn thành 02 dự án, tổng giá trị thực hiện là 1.725.298 nghìn đồng, trong đó:

- Mua xe ô tô 7 chỗ: 995 triệu 363 nghìn đồng

- Mua xe ô tô bán tải: 729 triệu 935 nghìn đồng

Quá trình chuẩn bị và thực hiện kế hoạch đầu tư, Công ty thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4.4. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

4.5. Việc trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019.

Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông.**

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

- Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo qui định tại Điều lệ Công ty. Ban Lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung

cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

- Trong năm, Ban kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

#### **6. Kiến nghị.**

Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát kiến nghị như sau:

- Công ty cần tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là công tác quản lý tài chính để khắc phục những tồn tại nêu trên;

- Thực hiện thẩm tra, thẩm định chặt chẽ dự toán công trình thi tham gia đấu thầu công trình ngoài công ích để tránh xảy ra trường hợp lỗ trong tương lai khi thực hiện quyết toán công trình.

#### **7. Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát.**

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 (đã hoàn thành) và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020;

- Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam...;

- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng SXKD ngoài công ích;

- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội và xác nhận các thông tin do Ban kiểm soát báo cáo là trung thực và hợp lý, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, Ban GD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT, BKS



**Nguyễn Văn Hào**

Số: 137 /TTr-ĐSHL

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020

## TỜ TRÌNH

Về việc biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2019, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;  
Căn cứ Quyết nghị Đại hội cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng số 06-19/NQ-ĐHCĐ.2019 ngày 24/4/2019;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh phía bắc.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

### 1- Báo cáo tài chính năm 2019

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng đã được Công ty TNHH AFC Việt Nam- Chi nhánh phía bắc kiểm toán, lập và phát hành ngày 24 tháng 02 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Bản Báo cáo tài chính đã được đăng trên trang website của công ty và in đóng trong quyển Báo cáo thường niên gửi Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

### 2- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>		<b>2.546.137.145</b>
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong quý 2/2019) = 70% LNST	(VĐL x 10,80%)	<b>1.782.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	- Cổ tức phần vốn Nhà nước	51% VĐL	908.820.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	49% VĐL	873.180.000
	<b>Lợi nhuận còn lại</b>	(Tổng LNST-1)	<b>764.137.145</b>
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Quỹ ĐTPT)	(LNST x 12%)	305.536.000
3	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	(LNST x 3%)	75.384.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(LNST x 15%)	382.217.145

### 3- Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế		3.005.588.000
1	Chia cổ tức (10,93%/Vốn điều lệ)	LNST x 60%	1.803.450.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 16,5%	495.922.000
3	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	LNST x 3,5%	105.196.000
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 20%	601.021.000

### 4- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Trân trọng Kính trình.

**Nơi nhận:**

- Các Quý cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban GD; Ban KS;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Hoàng Đăng Khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 138 /TTr-ĐSHL  
V/v kiện toàn nhân sự tại HĐQT Công  
ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18/6/2012 có hiệu lực ngày 01/5/2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm số 58/2014/QH13; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về BHXH bắt buộc và thông tư số 59/2015/TT/BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 18/12/2015;

Căn cứ Thông báo số 35/TB-ĐSHL ngày 31/01/2020 về việc nghỉ hưu đối với Người quản lý Công ty,

Để đảm bảo số lượng nhân sự của Hội đồng quản trị theo quy định, HĐQT Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Trọng.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng nhiệm kỳ 2016 - 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên./.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Các Quý cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban GD, Ban KS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
  
**Hoàng Đăng Khoa**



**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/10/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ: 16.500.000.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 1.650.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Mã chứng khoán: HLR

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Nguyễn Văn Bá	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/01/2020
Ông Trần Phú Hiệp	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/12/2015

#### **Ban giám đốc**

Ông Trần Phú Hiệp	Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2019

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



**Trần Phú Hiệp**

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020



Số: 072/2020/BCKT-PB.00124

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2505-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.280.781.342</b>	<b>40.509.000.867</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.796.882.625	4.766.609.604
1. Tiền	111		796.882.625	748.116.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	4.018.493.151
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.281.674.515</b>	<b>34.028.272.480</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	46.578.115.233	35.071.412.998
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	216.379.000	216.709.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.491.209.897	1.861.336.597
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.004.029.615)	(3.121.186.115)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>5.146.965.364</b>	<b>1.704.611.730</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.146.965.364	1.704.611.730
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>55.258.838</b>	<b>9.507.053</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	30.637.947	9.507.053
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.620.891	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.550.858.735</b>	<b>11.884.523.944</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		9.100.887.152	8.917.186.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	9.100.887.152	8.917.186.522
- Nguyên giá	222		25.651.784.536	25.576.112.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.550.897.384)	(16.658.925.967)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2.449.971.583	2.967.337.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.449.971.583	2.967.337.422
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>64.831.640.077</b>	<b>52.393.524.811</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.681.502.932</b>	<b>32.904.599.315</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.681.502.932</b>	<b>32.904.599.315</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	19.549.794.996	14.280.485.789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	280.000.000	768.098.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	3.427.631.462	2.978.705.807
4. Phải trả người lao động	314		12.079.532.617	11.023.470.671
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	3.212.919.283	3.597.368.049
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	5.952.434.358	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		179.190.216	256.470.729
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.13</b>	<b>20.150.137.145</b>	<b>19.488.925.496</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>20.150.137.145</b>	<b>19.488.925.496</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.104.000.000	706.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.546.137.145	2.282.925.496
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.546.137.145	2.282.925.496
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>64.831.640.077</b>	<b>52.393.524.811</b>



Trần Phú Hiệp  
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Hà Huy Tâm  
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	133.499.973.175	134.519.640.942
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.499.973.175	134.519.640.942
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	115.250.537.028	117.712.101.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.249.436.147	16.807.539.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	386.955.634	350.484.975
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	15.172.830.471	14.129.214.984
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.463.561.310	3.028.809.367
11. Thu nhập khác	31	6.5	198.379.112	90.800.000
12. Chi phí khác	32	6.6	186.661.784	225.541.998
13. Lợi nhuận khác	40		11.717.328	(134.741.998)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.475.278.638	2.894.067.369
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	929.141.493	611.141.873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.546.137.145	2.282.925.496
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.543	1.726
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.543	1.041



Trần Phú Hiệp  
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Hà Huy Tâm  
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương  
Người lập biểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	136.145.095.054	141.085.954.582
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(45.530.409.303)	(45.843.362.944)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(64.882.563.768)	(63.600.195.136)
4. Thuế TNDN đã nộp	05	(674.530.701)	(565.526.088)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	(5.007.340)	3.155.788.688
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.378.096.427)	(32.989.430.816)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.325.512.485)</b>	<b>1.243.228.286</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.725.299.091)	(207.900.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	399.625.951	337.709.394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.325.673.140)</b>	<b>129.809.394</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.952.434.358	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.270.975.712)	(1.150.595.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.681.458.646</b>	<b>(1.150.595.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(2.969.726.979)</b>	<b>222.442.430</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.766.609.604</b>	<b>4.544.167.174</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.796.882.625</b>	<b>4.766.609.604</b>



Trần Phú Hiệp  
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Hà Huy Tâm  
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/10/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 4 là 16.500.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 28/11/2016 với mã chứng khoán là HLR, số lượng cổ phiếu là 1.650.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy.

#### 1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang	Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

#### 1.7 Nhân viên

Số lao động bình quân trong năm 2019 là 772 người, năm 2018 là 806 người.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.8 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

**4.9 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.10 Doanh thu và thu nhập**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **4.12 Công cụ tài chính**

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**4.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	56.022.273	35.803.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng	740.860.352	712.313.445
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	4.018.493.151
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	1.000.000.000	4.018.493.151
<b>Cộng</b>	<b>1.796.882.625</b>	<b>4.766.609.604</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>34.129.642.935</b>	-	<b>21.974.550.959</b>	-
Công ty CP vận tải	137.047.000	-	137.047.000	-
Đường sắt Hà Nội				
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái	259.005.161	-	940.370.520	-
Ban QL dự án ĐS KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.647.695.054	-	2.602.288.675	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	30.736.359.891	-	18.294.844.764	-
CN Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ga Đồng Đăng	92.714.780	-	-	-
Công ty CP đường sắt Hà Hải	256.821.049	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>12.448.472.298</b>	<b>(4.004.029.615)</b>	<b>13.096.862.039</b>	<b>(3.121.186.115)</b>
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.448.472.298	(4.004.029.615)	13.096.862.039	(3.121.186.115)
<b>Cộng</b>	<b>46.578.115.233</b>	<b>(4.004.029.615)</b>	<b>35.071.412.998</b>	<b>(3.121.186.115)</b>

5.2.2 Nợ khó thu hồi

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
UBND Thành phố Bắc Giang	149.727.115	-	149.727.115	-
Công ty TNHH Hương Tâm	119.167.000	-	119.167.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	1.538.060.900	1.925.413.000	-
Công ty TNHH Vận tải Việt Thanh	368.838.000	110.651.400	-	-
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	-	3.089.596.800	2.162.717.800
<b>Cộng</b>	<b>5.652.741.915</b>	<b>1.648.712.300</b>	<b>5.283.903.915</b>	<b>2.162.717.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	216.379.000	-	216.709.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư A&E Quảng Ninh	216.379.000	-	216.379.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	-	330.000	-
<b>Cộng</b>	<b>216.379.000</b>	<b>-</b>	<b>216.709.000</b>	<b>-</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	901.859.400	-	901.859.400	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
<i>Các bên khác</i>	2.589.350.497	-	959.477.197	-
Cầm cổ, ký quỹ	116.507.752	-	14.600.083	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	313.050.000	-	39.000.000	-
Phải thu chi phí bảo quản trông coi VTTH	516.602.055	-	481.516.682	-
Phải thu bảo hiểm của người lao động	297.483.708	-	346.205.475	-
Phạm Quốc Tú	640.983.013	-	-	-
Thân Thế Vũ	688.280.259	-	-	-
Phải thu khác	16.443.710	-	78.154.957	-
<b>Cộng</b>	<b>3.491.209.897</b>	<b>-</b>	<b>1.861.336.597</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.353.965.866	-	1.123.582.316	-
Công cụ, dụng cụ	78.317.397	-	91.518.366	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.714.682.101	-	489.511.048	-
<b>Cộng</b>	<b>5.146.965.364</b>	<b>-</b>	<b>1.704.611.730</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG  
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	14.864.169.461	5.741.947.525	4.179.621.274	675.239.229	115.135.000	25.576.112.489
Mua trong năm	-	-	1.725.299.091	-	-	1.725.299.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(465.117.642)	(950.309.402)	(234.200.000)	-	(1.649.627.044)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>14.864.169.461</b>	<b>5.276.829.883</b>	<b>4.954.610.963</b>	<b>441.039.229</b>	<b>115.135.000</b>	<b>25.651.784.536</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư tại 01/01/2019	8.990.904.309	3.524.052.600	3.556.609.821	497.030.111	90.329.126	16.658.925.967
Khấu hao trong năm	547.648.997	478.067.920	334.158.205	68.177.636	15.719.000	1.443.771.758
Thanh lý, nhượng bán	-	(367.290.939)	(950.309.402)	(234.200.000)	-	(1.551.800.341)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>9.538.553.306</b>	<b>3.634.829.581</b>	<b>2.940.458.624</b>	<b>331.007.747</b>	<b>106.048.126</b>	<b>16.550.897.384</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2019	5.873.265.152	2.217.894.925	623.011.453	178.209.118	24.805.874	8.917.186.522
Số dư tại 31/12/2019	<b>5.325.616.155</b>	<b>1.642.000.302</b>	<b>2.014.152.339</b>	<b>110.031.482</b>	<b>9.086.874</b>	<b>9.100.887.152</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 2.770.299.091 đồng, tại 01/01/2019 là 4.026.456.877 đồng.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại 31/12/2019 là 7.917.669.026 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.7 Chi phí trả trước****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phí bảo lãnh thực hiện HĐ công trình XD cầu Treo suối Mỡ	-	9.507.053
Các khoản khác	30.637.947	-
<b>Cộng</b>	<b>30.637.947</b>	<b>9.507.053</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi thế kinh doanh	1.392.721.149	1.624.841.338
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.057.250.434	1.342.496.084
<b>Cộng</b>	<b>2.449.971.583</b>	<b>2.967.337.422</b>

**5.8 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>3.627.792.482</b>	<b>3.627.792.482</b>	<b>3.376.140.530</b>	<b>3.376.140.530</b>
Tổng công ty ĐSVN (cho thuê máy móc, nhà cửa)	1.964.941.157	1.964.941.157	2.093.973.684	2.093.973.684
Công ty CP đá Đồng Mỏ	1.041.146.200	1.041.146.200	643.496.700	643.496.700
Công ty CP thông tin tin hiệu Đường sắt Bắc Giang	-	-	164.578.522	164.578.522
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	459.677.700	459.677.700	348.914.200	348.914.200
Trung tâm Y tế Đường sắt	134.000.000	134.000.000	97.150.000	97.150.000
Chi nhánh Tổng Công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên	28.027.425	28.027.425	28.027.424	28.027.424
<b>Các bên khác</b>	<b>15.922.002.514</b>	<b>15.922.002.514</b>	<b>10.904.345.259</b>	<b>11.043.318.159</b>
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	4.825.633.245	4.825.633.245	3.625.403.685	3.625.403.685
Công ty CP thiết bị và vật tư TH Việt Nam	2.618.282.720	2.618.282.720	138.972.900	138.972.900
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	8.478.086.549	8.478.086.549	7.139.968.674	7.278.941.574
<b>Cộng</b>	<b>19.549.794.996</b>	<b>19.549.794.996</b>	<b>14.280.485.789</b>	<b>14.419.458.689</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>280.000.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>768.098.270</b>	<b>768.098.270</b>
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Nam	-	-	754.676.270	754.676.270
Công ty CP xây dựng và đầu tư 368	-	-	13.422.000	13.422.000
Công ty TNHH Xây dựng 899	180.000.000	180.000.000	-	-
Phải trả khác	100.000.000	100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>280.000.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>768.098.270</b>	<b>768.098.270</b>

**5.10 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>992.045.338</b>	<b>992.045.338</b>	<b>992.045.338</b>	<b>992.045.338</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	992.045.338	992.045.338	992.045.338	992.045.338
<i>Các bên khác</i>	<b>2.220.873.945</b>	<b>2.220.873.945</b>	<b>2.605.322.711</b>	<b>3.428.487.764</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	680.609.681	680.609.681	-	-
Kinh phí công đoàn	160.269.540	160.269.540	80.677.078	80.677.078
Phải trả giá trị vật tư thu	1.202.966.691	1.202.966.691	1.652.186.430	1.652.186.430
Phải trả tiền cổ tức	98.318.438	98.318.438	49.294.150	49.294.150
Phải trả khác	78.709.595	78.709.595	823.165.053	823.165.053
<b>Cộng</b>	<b>3.212.919.283</b>	<b>3.212.919.283</b>	<b>3.597.368.049</b>	<b>4.420.533.102</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG  
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.113.210.663	8.734.224.110	8.928.538.973	-	2.918.895.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	314.420.799	674.530.701	929.141.493	-	59.810.007
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	130.270.325	130.270.325	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	430.556.464	430.556.464	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>3.427.631.462</b>	<b>9.973.581.600</b>	<b>10.422.507.255</b>	-	<b>2.978.705.807</b>

5.12 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bắc Giang (i)	5.952.434.358	5.952.434.358	5.952.434.358	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.952.434.358</b>	<b>5.952.434.358</b>	<b>5.952.434.358</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Hợp đồng vay số 01/2019-HĐCVHM/NHCT280-ĐSHL ngày 27/12/2019 :

- Hạn mức khoản vay 20.000.000.000 VND;

- Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 27/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019;

- Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ dân dụng, công nghiệp;

- Biện pháp bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2019/HĐBĐ/NHCT280-ĐSHL ngày 23/8/2019 Địa chỉ: Số 6, Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hân, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG  
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	16.500.000.000	400.000.000	2.040.693.667	18.940.693.667
Lãi trong năm trước	-	-	2.282.925.496	2.282.925.496
Phân phối lợi nhuận	-	306.000.000	(2.040.693.667)	(1.734.693.667)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>706.000.000</b>	<b>2.282.925.496</b>	<b>19.488.925.496</b>
Số dư tại 01/01/2019	16.500.000.000	706.000.000	2.282.925.496	19.488.925.496
Lãi trong năm nay	-	-	2.546.137.145	2.546.137.145
Phân phối lợi nhuận (i)	-	398.000.000	(2.282.925.496)	(1.884.925.496)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>1.104.000.000</b>	<b>2.546.137.145</b>	<b>20.150.137.145</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(i) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Quyết định số 06-19/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 24/04/2019 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng. Chi tiết:

	Năm 2019 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	398.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	462.193.496
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	102.732.000
Chia cổ tức	1.320.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.282.925.496</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	841.500	8.415.000.000	51%	841.500	8.415.000.000	51%
Các cổ đông khác	808.500	8.085.000.000	49%	808.500	8.085.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.650.000</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.650.000</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>100%</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	16.500.000.000	16.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.320.000.000</b>	<b>1.174.800.000</b>

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các bên liên quan	126.456.140.869	119.937.838.364
<i>Ban quản lý dự án ĐS KVI - TCT ĐSVN</i>	4.689.535.504	2.924.058.204
<i>Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái</i>	235.459.237	514.937.745
<i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	121.531.146.128	116.498.842.415
<i>Các bên khác</i>	-	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các bên khác	7.043.832.306	14.581.802.578
<b>Cộng</b>	<b>133.499.973.175</b>	<b>134.519.640.942</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	115.250.537.028	117.712.101.566
<b>Cộng</b>	<b>115.250.537.028</b>	<b>117.712.101.566</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.955.634	350.484.975
<b>Cộng</b>	<b>386.955.634</b>	<b>350.484.975</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.436.175.524	7.955.840.438
Chi phí vật liệu quản lý	626.264.296	685.200.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	393.802.235	392.911.688
Chi phí khấu hao TSCĐ	402.335.841	381.248.697
Thuế, phí và lệ phí	608.756.044	597.228.255
Chi phí dự phòng	882.843.500	926.879.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.971.749	779.094.108
Chi phí bằng tiền khác	3.124.681.282	2.410.812.173
<b>Cộng</b>	<b>15.172.830.471</b>	<b>14.129.214.984</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.5 Thu nhập khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Kinh doanh nhà lưu trú	24.763.636	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	86.839.341	-
Các khoản khác	86.776.135	90.800.000
<b>Cộng</b>	<b>198.379.112</b>	<b>90.800.000</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí cảnh giới đường ngang	50.100.000	63.900.000
Chi phí cho thuê nhà lưu trú	6.000.000	-
Chi phí lãi vay máy móc dự án áo năm 2016 giảm do Bộ GTVT loại	-	161.641.998
Các khoản khác	130.561.784	-
<b>Cộng</b>	<b>186.661.784</b>	<b>225.541.998</b>

**6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.475.278.638	2.894.067.369
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.042.022.602	161.641.998
Các khoản điều chỉnh tăng	1.042.022.602	161.641.998
Các khoản chi phí không được trừ	1.042.022.602	161.641.998
Thu nhập tính thuế TNDN	4.517.301.240	3.055.709.367
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	903.460.248	611.141.873
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>903.460.248</b>	<b>611.141.873</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	25.681.245	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>929.141.493</b>	<b>611.141.873</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.8 Lãi trên cổ phiếu****6.8.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.546.137.145	2.282.925.496
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.546.137.145	2.282.925.496
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(564.925.496)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.543</b>	<b>1.041</b>

**6.8.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.546.137.145	2.282.925.496
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.546.137.145	2.282.925.496
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(564.925.496)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.543</b>	<b>1.041</b>

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận theo quyết định số 06-19/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 24/04/2019 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng. Năm 2019 chưa có căn cứ xác định số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế trong năm, theo đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 sẽ thay đổi khi có quyết định chính thức về số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.817.901.032	31.984.965.878
Chi phí nhân công	69.723.747.780	76.564.759.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.427.221.749	1.745.900.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.865.067.029	17.734.244.478
Chi phí khác bằng tiền	9.230.300.055	5.638.000.950
<b>Cộng</b>	<b>135.064.237.645</b>	<b>133.667.871.438</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.796.882.625	-	4.766.609.604	-
Phải thu khách hàng	46.578.115.233	(3.130.619.115)	35.071.412.998	(3.121.186.115)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	3.178.159.897	-	1.822.336.597	-
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.553.157.755</b>	<b>(3.130.619.115)</b>	<b>41.660.359.199</b>	<b>(3.121.186.115)</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	5.952.434.358	-
Phải trả người bán	19.549.794.996	14.280.485.789
Chi phí phải trả	-	-
Phải trả khác	3.052.649.743	3.516.690.971
<b>Cộng</b>	<b>28.554.879.097</b>	<b>17.797.176.760</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

**Rủi ro về lãi suất**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.796.882.625	-	-	1.796.882.625
Phải thu khách hàng	43.447.496.118	-	-	43.447.496.118
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	3.178.159.897	-	-	3.178.159.897
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.422.538.640</b>	-	-	<b>48.422.538.640</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.766.609.604	-	-	4.766.609.604
Phải thu khách hàng	31.950.226.883	-	-	31.950.226.883
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.822.336.597	-	-	1.822.336.597
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.539.173.084</b>	-	-	<b>38.539.173.084</b>

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	5.952.434.358	-	-	5.952.434.358
Phải trả người bán	19.549.794.996	-	-	19.549.794.996
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	3.052.649.743	-	-	3.052.649.743
<b>Cộng</b>	<b>28.554.879.097</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.554.879.097</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	14.280.485.789	-	-	14.280.485.789
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	3.516.690.971	-	-	3.516.690.971
<b>Cộng</b>	<b>17.797.176.760</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.797.176.760</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

#### 8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Ban quản lý dự án Đường sắt KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP đá Đồng Mỏ	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Bắc Giang	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con của Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty

##### 8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng	1.809.760.000	1.798.819.000

### 8.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
Thực hiện cảnh giới đường ngang	55.110.000	70.290.000
Thực hiện công trình sửa chữa thường xuyên	133.591.545.961	127.719.728.543
Nhận tiền thanh toán công nợ	121.205.140.834	121.228.952.600
Thuê nhà, máy móc thiết bị, chi phí quản lý	3.239.491.169	2.103.591.132
Thanh toán tiền thuê nhà, máy móc thiết bị	3.368.523.696	4.074.537.061
Bù trừ công nợ với Tổng công ty	147.400.000	38.228.448
Nhận thưởng tổng công ty	22.000.000	7.800.000
Điều chỉnh giảm lãi vay dự án Pháp năm 2015	-	2.127.448
Bồi thường chậm tàu	310.000	310.000
Trả cổ tức	673.200.000	599.148.000
<b>Trung tâm y tế đường sắt</b>		
Sử dụng dịch vụ khám sức khỏe	134.000.000	97.150.000
Thanh toán kinh phí khám sức khỏe định kỳ 2017	-	116.200.000
Thanh toán kinh phí khám sức khỏe định kỳ 2018	97.150.000	-
<b>Ban quản lý dự án ĐS KVI - Tổng Công ty ĐSVN</b>		
Nhận tiền thanh toán công nợ	5.113.082.675	2.682.859.078
Nhận tạm ứng kinh phí thi công Cầu Chéo	-	650.572.000
Thực hiện thi công	5.158.489.054	-
<b>Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>		
Thanh toán công nợ phải trả	2.041.818.800	1.294.100.800
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	2.152.582.300	1.643.015.000
<b>Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội - CN Toa xe hàng</b>		
Sử dụng dịch vụ vận chuyển và thanh toán 108 thanh ray P50	59.400.000	-
<b>Công ty CP Đường sắt Hà Thái</b>		
Nhận tiền thanh toán công nợ	940.370.520	1.188.469.270
Thực hiện chèn đường	259.005.161	-
<b>Công ty CP đá Đồng Mô</b>		
Mua vật tư	1.997.649.500	1.518.922.900
Thanh toán tiền vật tư	1.600.000.000	1.435.288.263
<b>Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Bắc Giang</b>		
Sử dụng dịch vụ	-	164.578.522
Thanh toán tiền công nợ	164.578.522	-
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải</b>		
Sử dụng dịch vụ	-	7.502.000
Thực hiện chèn đường	256.821.049	-
<b>Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên</b>		
Thuê kiểm tra cầu đường bằng máy EM 120	28.027.425	28.027.424
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Ga Đồng Đăng</b>		
Thực hiện duy tu sửa chữa đường H4 và ghi N205 ga Đồng Đăng	92.714.780	-

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 8.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.

### 8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Trần Phú Hiệp

Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2020



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Khắc Đức

Số: /NQ-ĐHĐCĐ.2020

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2020

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được thông qua tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 18/12/2015;

Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng ngày 28 tháng 4 năm 2020 đã được Đại hội thống nhất thông qua,

**QUYẾT NGHỊ:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng năm 2020 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức, Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Giám đốc số: /ĐSHL-KHKD ngày /4/2020.

3. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng Quản trị số: /BC-ĐSHL ngày /4/2020;

4. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát số: /BC-BKS ngày /4/2020;

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc;

6. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền: (VĐL x 10,8%) là 1.782.000.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước	(51% VĐL x 10,8%):	908.820.000 đồng
+ Cổ tức cổ đông đại chúng	(49% VĐL x 10,8%):	873.180.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến : Quý II/2020;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức;

7. Thông qua phương án trích lập các Quỹ năm 2019, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 305.536.000 đồng
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp 75.384.000 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 382.217.145 đồng

8. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ % so với TH 2019 (Tăng +; giảm -)
1	Doanh thu:	134.085	142.685	+106,4%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản phẩm chính	121.447	128.782	+106,0%
	- Sản xuất ngoài sản xuất chính	12.638	13.902	+110,0%
	+ Từ chi NSNN (trong ngành):	5.243	5.767	+110,0%
	+ Từ đối tác bên ngoài:	7.395	8.135	+110,0%
2	Chi phí:	130.610	138.928	+106,4%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	2.546	3.006	+118,0%
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	15,43%	18,22%	+118,0%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	10,80%	10,93%	101,2%

9. Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		3.756.985.000
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.000.588.00
1	Chia cổ tức (10,93%/Vốn điều lệ)	LNST x 60%	1.803.450.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 16,5%	495.922.000
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty	LNST x 3,5%	105.196.000
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 20%	601.021.000

10. Thông qua Kế hoạch đầu tư (Sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Máy chèn đường thủy lục, đường lồng	03 bộ	900.000.000	
2	Máy xúc đào bánh lốp ( $\geq 0,4m^3$ )	01 cái	800.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.700.000.000</b>	

11. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 như sau:

11.1 Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách và bộ máy gián tiếp:

- Tổng quỹ lương: 8.873.000.000 đồng
- Trong đó:
  - + Quỹ lương người quản lý chuyên trách: 1.996.000.000 đồng
  - + Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 36.000.000 đồng
  - + Quỹ lương bộ máy gián tiếp: 6.947.000.000 đồng
  - + Ăn giữa ca gián tiếp và người quản lý: 286.000.000 đồng

11.2 Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.

- Chi phí nhân công trực tiếp (dự kiến): 57.211.000.000 đồng.
- Trong đó: + Tiền lương: 53.021.000.000 đồng;
- + Ăn giữa ca: 4.019.000.000 đồng;

- 11.3 Tiền lương ngoài ngành, dịch vụ khác: 3.967.000.000 đồng.
- Tổng cộng quỹ lương 2020: 70.946.000.000 đồng.**

12. Biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

13. Công bố kết quả bầu cử miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Trọng; Công bố kết quả bầu cử bầu sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT, Ban GE, Ban Kiểm soát;
- ĐU, CE, ĐTN;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Hoàng Đăng Khoa**

## **Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng**

### **NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2020**

#### **1. Thông qua:**

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị số 136/BC-ĐSHL ngày 09/4/2020.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát số 03/BC-BKS ngày 09/4/2020.
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán tại tờ trình số 137/TTr-ĐSHL ngày 09/4/2020.
- Phương án chia cổ tức năm 2019.
- Phương án trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi năm 2019.

#### **2. Thông qua:**

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Mức cổ tức dự kiến năm 2020.
- Kế hoạch đầu tư năm 2020.
- Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2020.